CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Kính Đáp Cầu

Ngày 30/09/2025	4,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.5%	**-4.5%**	**-8.7%**

DT thuần
Q3/25
9.25
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.05| -30.4%
YoY: ▲ 0.96| 11.6%

LN thuần
Q3/25
-0.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.19| -33.7%
YoY: ▲ 2.47| 76.7%

LN sau thuế
Q3/25
-1.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.04| -3.7%
YoY: ▲ 3.31| 74.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-10.2%
YoY: +/-▼ 3.6%

ROE (TTM)
Q3/25
311%
YoY: +/-▼ 2699%

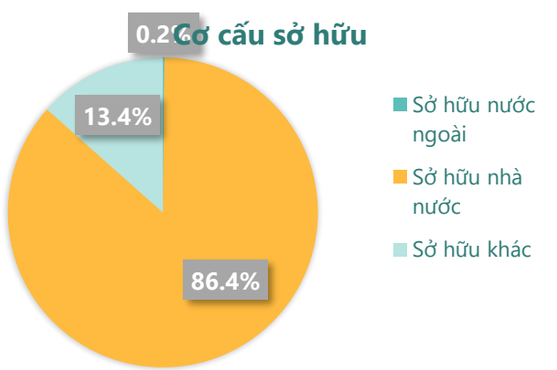
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,400 - 6,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	126
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.05)
EPS	-335
P/E	-12.5

DT thuần
9T 2025
31.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.70| -13.0%

LN thuần
9T 2025
-3.35
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.21| 65.0%

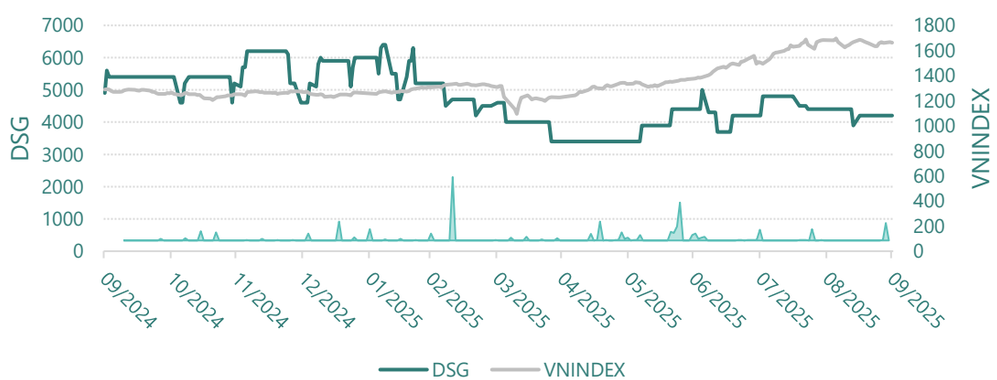
LN sau thuế
9T 2025
-4.65
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.65| 64.9%

Cơ cấu sở hữu

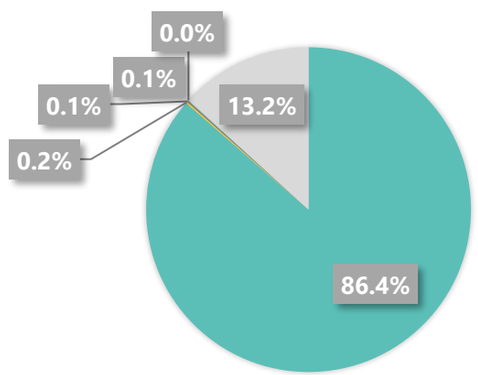


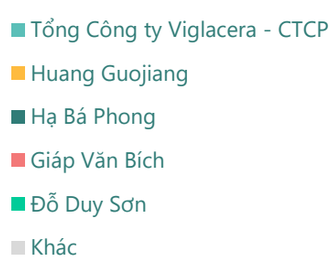
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

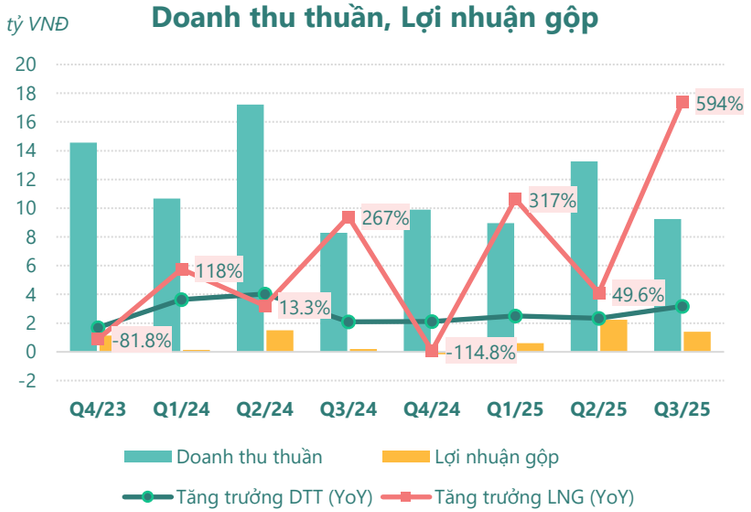




(Nguồn: fireant.vn)

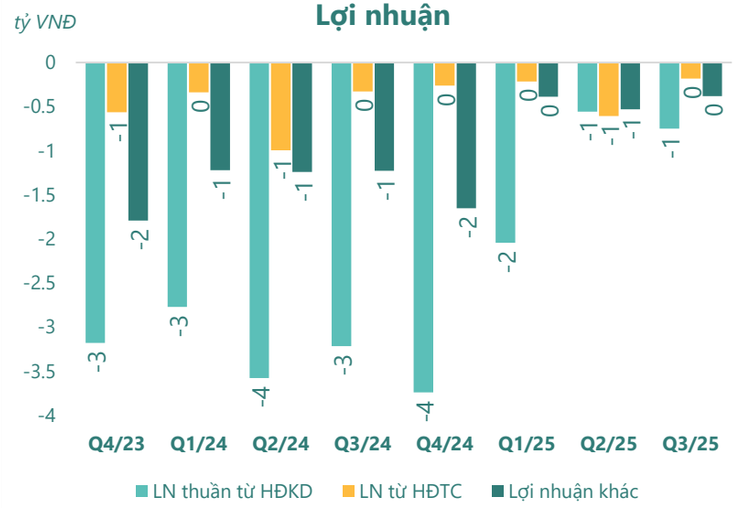
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



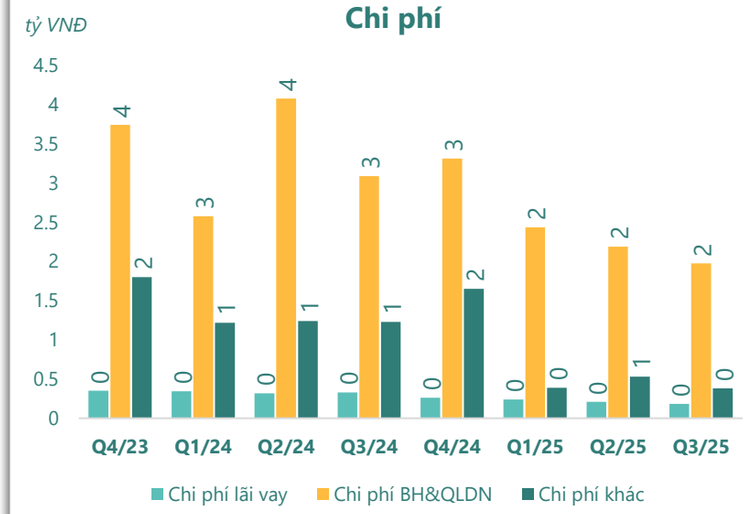
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



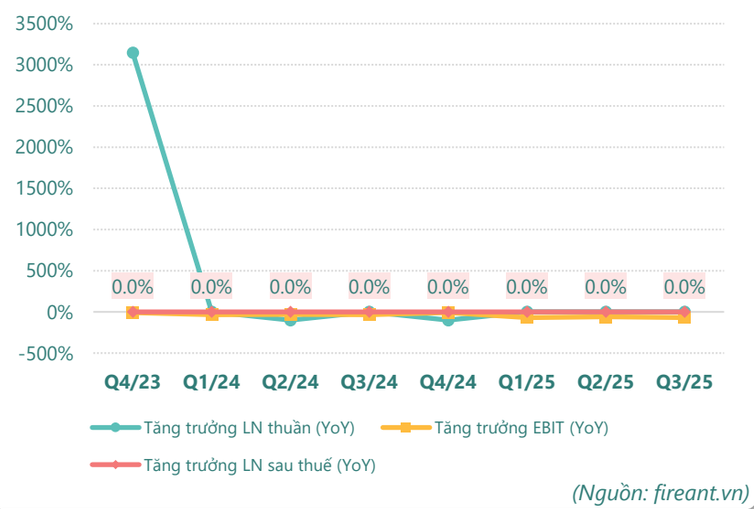
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



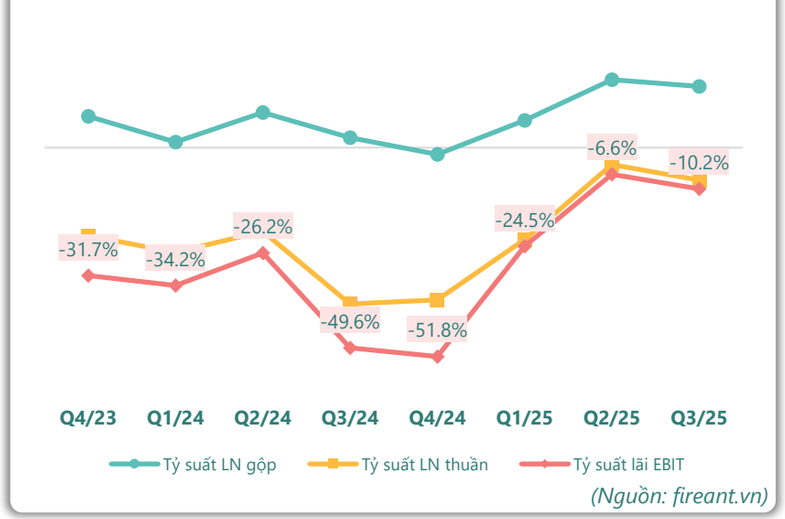
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



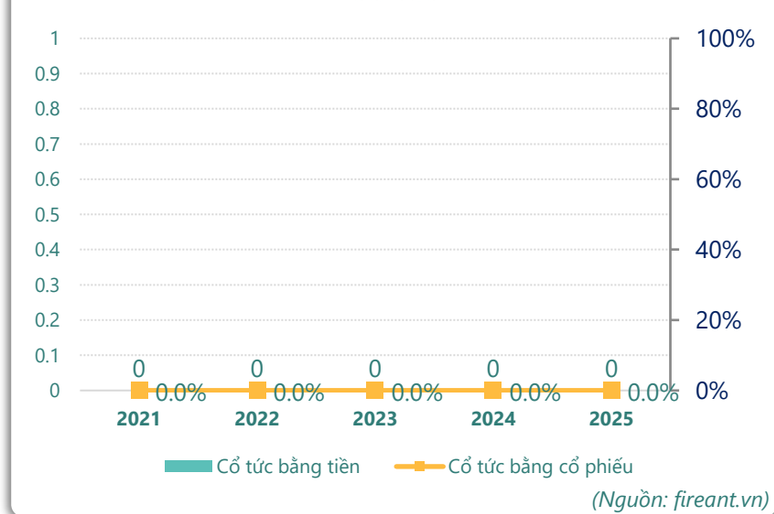
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

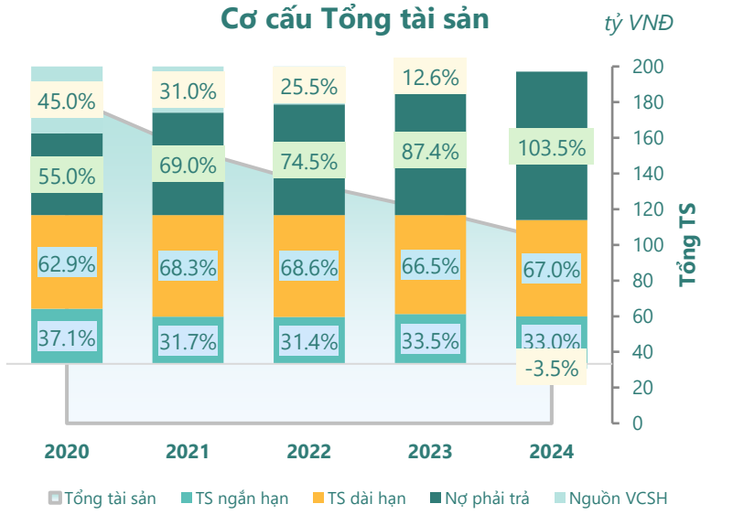
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

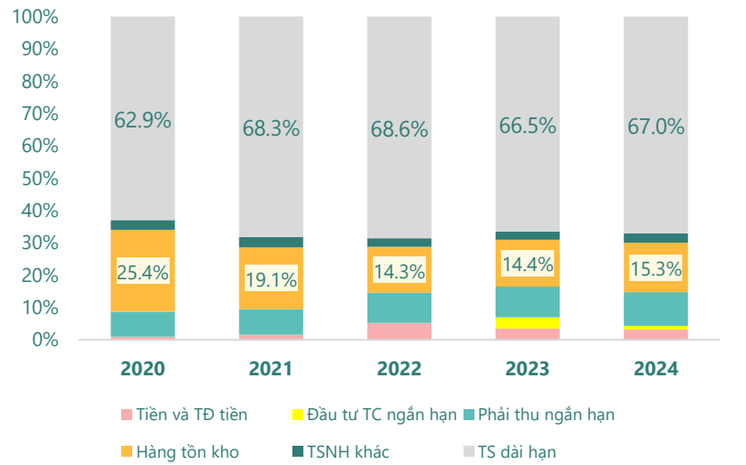
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



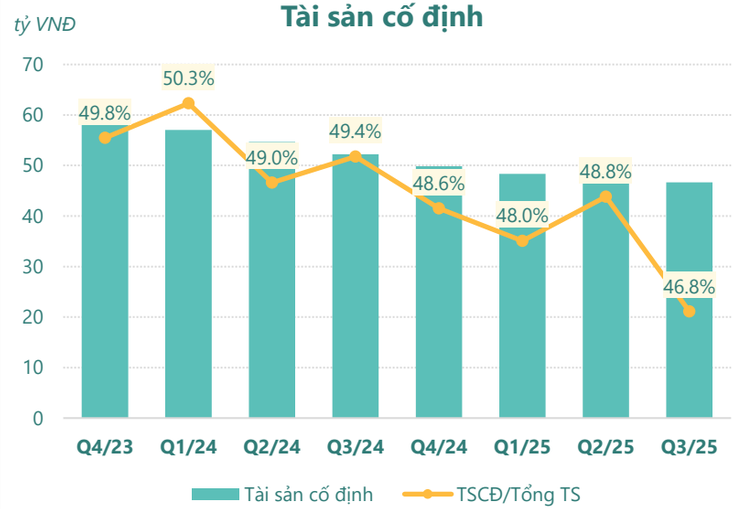
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



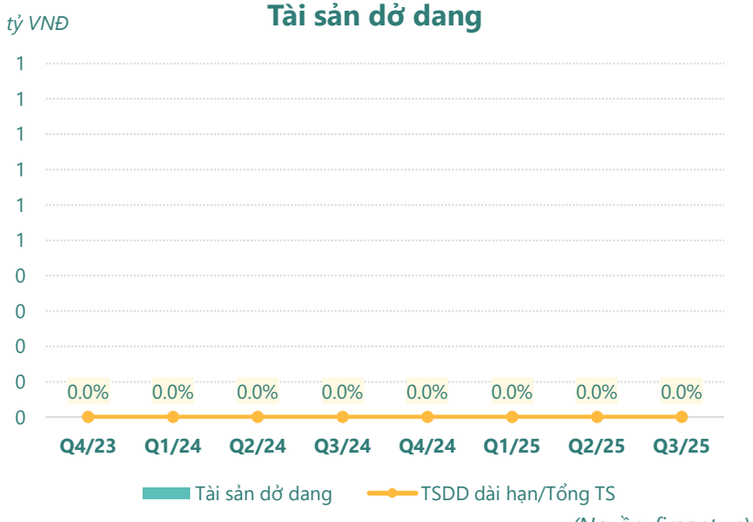
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



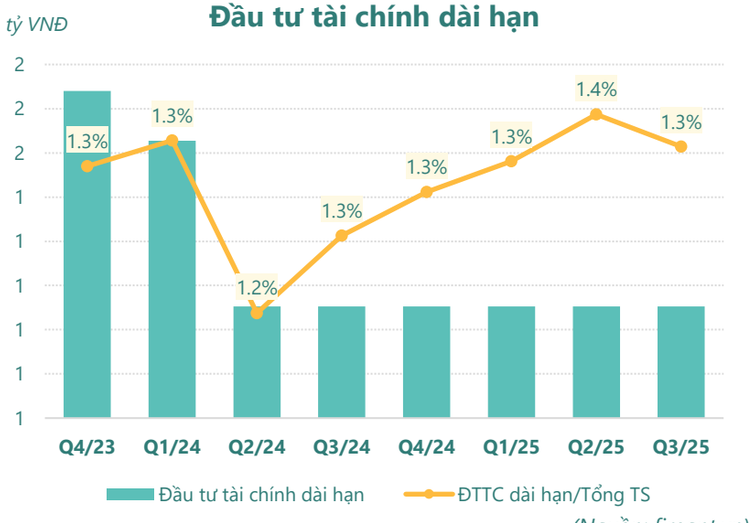
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



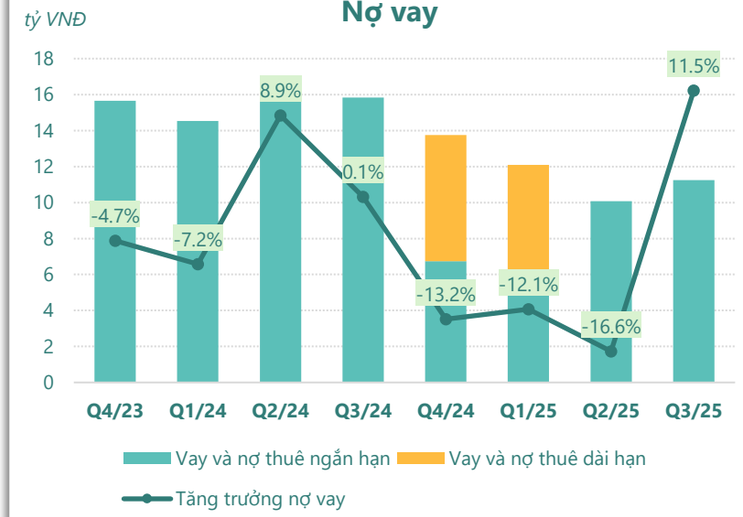
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

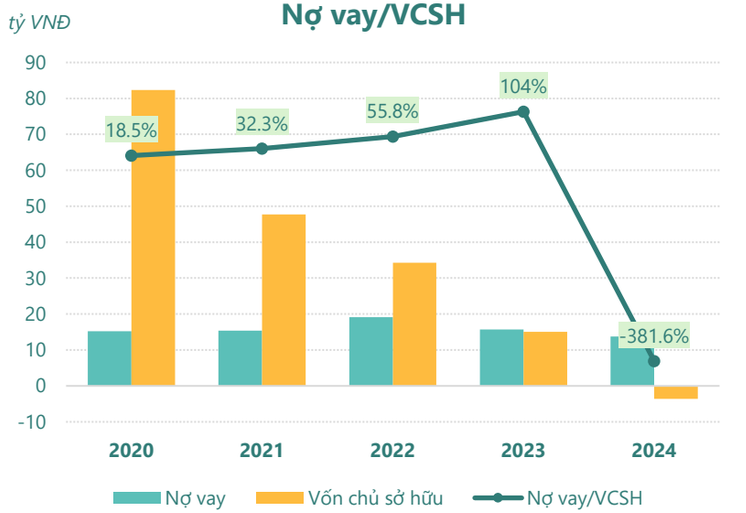
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



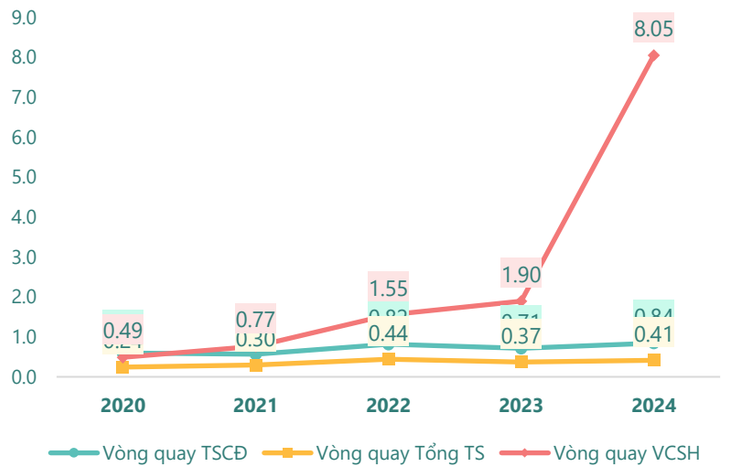
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



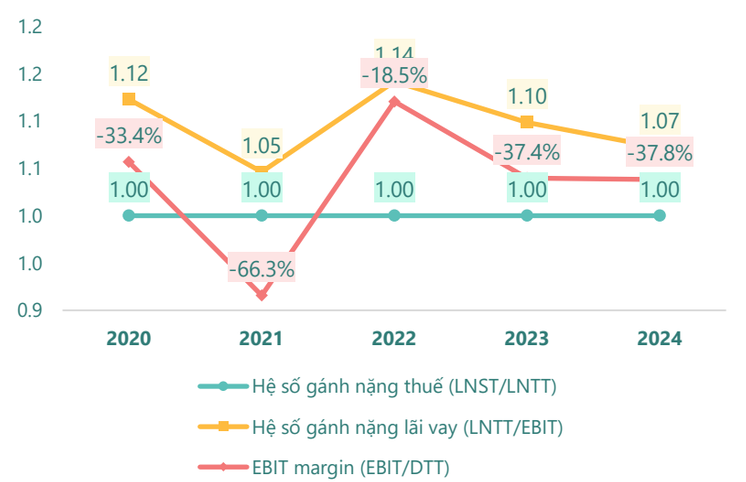
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



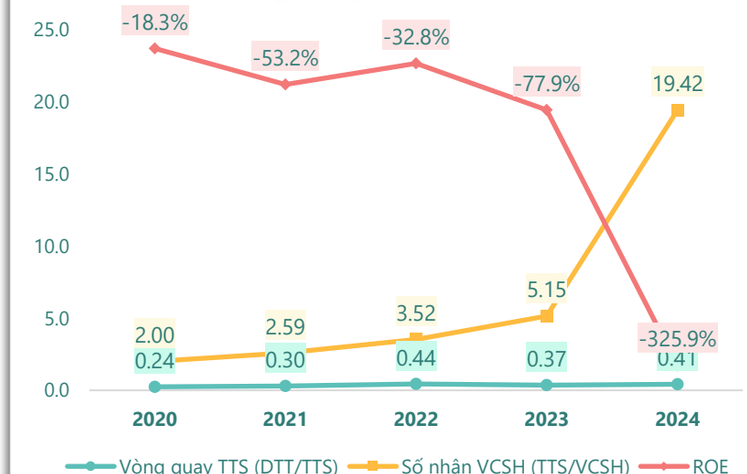
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



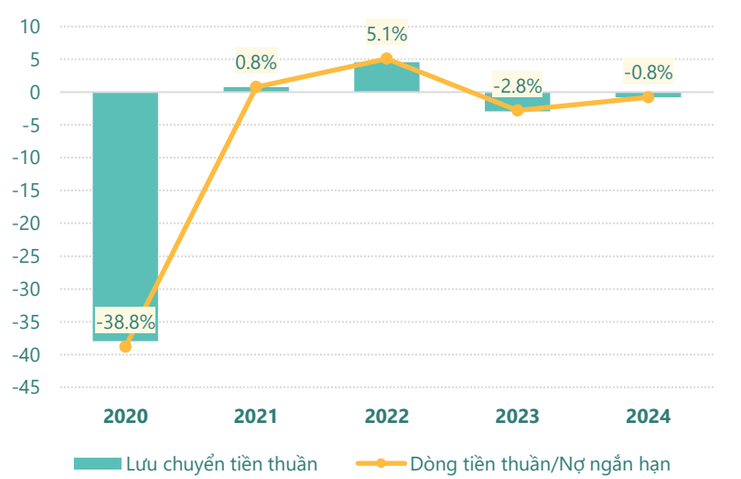
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**9.25**	**8.29**	**11.6%**	**31.5**	**36.2**	**-13.0%**
Giá vốn hàng bán	7.85	8.09	-3.0%	27.2	34.3	-20.7%
Lợi nhuận gộp	1.41	0.20	604%	4.25	1.84	131%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.03	0.07	-64.5%
Chi phí TC	0.18	0.33	-44.7%	1.03	1.74	-40.8%
Chi phí lãi vay	0.18	0.33	-44.7%	0.63	0.99	-36.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.70	1.13	-38.1%	2.28	2.98	-23.5%
Chi phí QLDN	**1.28**	**1.96**	**-34.9%**	**4.31**	**6.76**	**-36.2%**
LN thuần từ HĐKD	-0.75	-3.22	76.7%	-3.35	-9.56	65.0%
Lợi nhuận khác	**-0.38**	**-1.23**	**69.0%**	**-1.30**	**-3.69**	**64.7%**
LN trước thuế	-1.13	-4.44	74.5%	-4.65	-13.3	64.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.13**	**-4.44**	**74.5%**	**-4.65**	**-13.3**	**64.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.13**	**-4.44**	**74.5%**	**-4.65**	**-13.3**	**64.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.61	-1.74	2.25	-1.17	0.86	-0.61
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.55	0.00	0.10	2.71	-1.87	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.29	0.01	-2.08	-1.66	-2.01	1.16
Tiền đầu kỳ	2.02	3.25	1.52	3.38	3.27	0.25
Lưu chuyển tiền thuần	**1.23**	**-1.73**	**0.27**	**-0.12**	**-3.02**	**0.55**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	3.25	1.52	1.79	3.27	0.25	0.80

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**99.7**	**103**	**-3.0%**
Tài sản ngắn hạn	34.5	33.9	1.8%
Tiền và tương đương tiền	0.80	3.38	-76.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.08	-100%
Phải thu ngắn hạn	16.2	10.7	52.0%
Hàng tồn kho	15.3	15.7	-2.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.18	3.01	-27.7%
Tài sản dài hạn	**65.2**	**68.9**	**-5.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	46.7	49.9	-6.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.33	1.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**17.2**	**17.8**	**-3.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	108	106	1.5%
Nợ ngắn hạn	**108**	**99.4**	**8.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.2	6.75	66.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	68.8	64.2	7.2%
Nợ dài hạn	0	7.00	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	7.00	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-8.26**	**-3.60**	**-129%**
Vốn chủ sở hữu	**-8.26**	**-3.60**	**-129%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)